

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Thanh Hương;

Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M; sinh năm 1980; địa chỉ: Phố H, phường N, thành phố N1, tỉnh N2.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Quốc P; sinh năm 1978; địa chỉ: Phố B, phường N, thành phố N1, tỉnh N2.

Tại phiên tòa có mặt: chị M, vắng mặt anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Quốc P tự nguyện đăng ký kết hôn từ ngày 29/12/2004 tại UBND phường N, thành phố N1, tỉnh N2. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng, sau đó mua nhà ở phường T và bán nhà chuyển về ở với bố mẹ chồng đến năm 2018, anh chị ly thân, chị M và con đã ra ở phố H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung là cháu Hoàng Như N3, sinh ngày 21/1/2005; hiện nay cháu đang ở với mẹ; khi ly hôn chị M xin chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N3, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M có chỗ ở và thu nhập ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/tháng, chị xác định đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu N3. Công việc của anh P không ổn định, thường xuyên đi xa không đảm bảo để chăm sóc cháu Ngọc. Mặt khác, cháu N3 là con gái, đang ở độ tuổi dậy thì, việc chị M chăm sóc, giáo dục cháu N3 sẽ thuận lợi hơn.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M: Vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Quốc P vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Như Ngọc và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Hoàng Quốc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng có mâu thuẫn nên chị M có ra ở Phố H không ở cùng với anh. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh, bản thân anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên anh không nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung là cháu Hoàng Như N3, sinh ngày 21/1/2005. Anh P không nhất trí để chị M nuôi con chung khi ly hôn. Anh đề nghị được nuôi cháu Ngọc và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định đủ điều kiện để nuôi cháu. Anh có chỗ ở ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Quốc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc “Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Hoàng Quốc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M với anh Hoàng Quốc P.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Như N3 sinh ngày 21/1/2005 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về công nợ chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Quốc P được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N1, tỉnh N2 trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn chị M và anh P chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Anh P cũng có thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, chị M đã ly thân và đưa con ra chỗ khác để ở nhưng anh P không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn này chưa trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu chị M đã dọn nhà ra ở chỗ khác ở không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi anh P, chị M cư trú cũng xác nhận đúng như lời trình bày của đương sự. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị Nguyễn Thị M

được ly hôn với anh Hoàng Quốc P là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Quốc P có một con chung là cháu Hoàng Như N3 sinh ngày 21/1/2005. Từ khi chị M dọn ra chỗ khác ở, cháu Ngọc do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M đề nghị nuôi cháu Ngọc. Chị M có thu nhập ổn định, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho cháu. Mặt khác, đơn trình bày của cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Như N3 đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M, anh P xác định không có tài sản chung và công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị M chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn đối với anh Hoàng Quốc P. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Quốc P chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Như N3 đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Hoàng Quốc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hoàng Quốc P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001209 ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Quốc P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lâm Thị Thanh Nhân